

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày 05/11/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Hà Thị C, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp 5, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ông Phạm Văn L, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông Lữ Đình H, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp 5, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 02/6/2015, nguyên đơn có làm văn bản về hợp đồng vay tài sản với bị đơn Hà Thị C, bị đơn có nhận 64.000.000 đồng của nguyên đơn, về lãi suất tiền vay thỏa thuận 03%/tháng (trả lãi mỗi tháng), mục đích vay tiền để nuôi gà, tiêu dùng trong gia đình bị đơn, khi vay không thỏa thỏa thời hạn trả tiền vay nợ gốc (khi cần lấy lại tiền vay nợ gốc thì nguyên đơn báo trước 10 ngày để bị đơn biết thanh toán tiền vay), nguyên đơn có nhận cầm cố của bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK713433 ngày 16/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 244, tờ bản đồ số 4, ấp 10, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Nai (diện tích thửa đất là 274m²); chủ sử dụng là ông Lữ Đình H – ông H là đương sự trong vụ án.

Sau khi vay tiền đến nay bên bị đơn chưa trả tiền vay nợ gốc, có trả được một số tiền lãi tổng cộng là 1.900.000 đồng. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bên bị đơn C và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả đầy đủ tiền vay nợ gốc 64.000.000 đồng và tiền lãi suất 20% trên nợ gốc từ ngày bị đơn vay tiền đến ngày 05/11/2019 là 54 tháng (tiền lãi là 57.560.000 đồng) trừ lại 1.900.000 đồng tiền lãi bị đơn đã trả nguyên đơn thì nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của bị đơn.

* Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất như sau:

Ngày 02/6/2015 bị đơn có ký tên vào giấy vay tiền của nguyên đơn làm ghi số tiền vay 64.000.000 đồng, lãi suất 3% một tháng, thỏa thuận trả lãi mỗi tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả tiền vay nợ gốc, có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên bị đơn (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn cung cấp gửi Tòa án là đúng), bị đơn đã trả nguyên đơn được 1.900.000 đồng (tiền lãi), bị đơn vay tiền mang về trả tiền mua vật tư xây dựng nhà ở của bị đơn; tuy nhiên thì bị đơn vay tiền của nguyên đơn từ năm 2009 không phải là năm 2015 nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp giấy hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn vào thời gian năm 2009 để giải quyết tranh chấp đúng pháp luật, bị đơn đồng ý tính lãi suất tiền vay theo quy định pháp luật, bị đơn không có giấy hợp đồng vay tiền năm 2009 vì bà T viết giấy và bà T là người đang cất giữ giấy vay tiền năm 2009.

* Tại phiên tòa ông Lữ Đình H vắng mặt, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông H nhưng ông vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chỉ có bà C đến Tòa án tham gia tố tụng. Ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T cho bà Hà Thị C vay 64.000.000 đồng, đến hạn bà C không trả tiền đã vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận giữa các bên. Bà T Khởi kiện yêu cầu bà C, ông H phải trả tiền gốc và lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

Áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; buộc bà Hà Thị C phải trả tiền gốc 64.000.000 đồng và lãi suất cho bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật; đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

* Tình tiết đã rõ, do đương sự hai bên thống nhất ý kiến, thừa nhận nên được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền ngày 02 tháng 6 năm 2015 do bà Thịn tự làm ghi số tiền vay nợ gốc 64.000.000 đồng; nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền vay nợ gốc; nguyên đơn và bị đơn

thống nhất ý kiến là đã thanh toán tiền lãi tổng cộng 1.900.000 đồng; tính lãi suất tiền vay theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn Hà Thị C có nơi cư trú tại ấp 5, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án: Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc là 64.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án:

Bà T là người khởi kiện, bà C là người bị kiện nên xác định T là nguyên đơn, bà C là bị đơn; ông L là chồng của bà T nên có liên quan đến tài sản tranh chấp trong vụ án. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tên ông H là người có quyền sở hữu tài sản nên ông cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà C và ông H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa sơ thẩm. Ông L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến không hoãn phiên tòa, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự trong vụ án:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà C và H phải trả tiền vay nợ gốc 64.000.000 đồng và tiền lãi suất 20% từ ngày bị đơn vay tiền đến ngày 05/11/2019 là 54 tháng trừ lại tiền lãi 1.900.000 đồng bị đơn đã trả nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C đưa nguyên đơn đang cầm giữ để vay tiền ngày 02 tháng 6 năm 2015.

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án bị đơn Hà Thị C trình bày ý kiến là bà có ký giấy vay tiền ngày 02 tháng 6 năm 2015 do bà T làm ghi số tiền vay 64.000.000 đồng, lãi suất 03% mỗi tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả tiền vay nợ gốc, khi nguyên đơn cần lấy lại tiền vay thì nguyên đơn báo trước 10 ngày, bên bị đơn gửi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK713433 ngày 16/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai ghi tên Lữ Đình H chủ sử dụng mới. Bị đơn đã trả tiền lãi với nguyên đơn được 1.900.000 đồng. Thực tế bị đơn có vay tiền của nguyên đơn thời gian trước năm 2015 là 25.000.000 đồng – có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK713433 ngày 16/7/2008 nêu trên (hai bên có làm giấy vay tiền do nguyên đơn cất giữ); thời điểm năm 2015 bị đơn không có nhận tiền vay của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu

của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý trả tiền vay năm 2010 là 25.000.000 đồng và tính lãi suất đúng quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bên bị đơn có thỏa thuận trả tiền lãi mỗi tháng nhưng bị đơn không trả tiền lãi theo sự thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy bị đơn đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng với quy định tại Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền vay nợ gốc là loại hợp đồng vay không kỳ hạn có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy ý kiến trình bày của bị đơn C không thống nhất, tại bản tự khai ngày 30/5/2019 bà C trình bày ý kiến có vay tiền của bà T vào năm 2009 nhưng tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2019 và biên bản đối chất ngày 17/9/2019 bà trình bày ý kiến có vay tiền của bà T vào năm 2010. Bị đơn trình bày ý kiến như vậy nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nội dung, ý kiến của bà là có thật và bên nguyên đơn không thừa nhận ý kiến này của bị đơn. (bút lục số 29, 30, 45, 46).

Qua ý kiến trình bày của các đương sự trong vụ án và chứng cứ của các bên cung cấp chứng minh đối với ý kiến trình bày của các bên đương sự, đối với thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại văn bản hợp đồng vay tài sản vào ngày 02 tháng 6 năm 2015 mức lãi suất 03% mỗi tháng là vượt quá quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên không có hiệu lực. Bị đơn đồng ý tính lãi suất tiền vay theo quy định pháp luật, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; về trách nhiệm trả tiền vay: Bị đơn C vay tiền để sử dụng chung cùng với ông H trong việc nuôi gà, xây dựng nhà ở là hợp pháp, bà C có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông H qua nguyên đơn cầm cho vay tiền, đến nay ông H không có ý kiến phản đối giao dịch giữa bà C với bà T. Do đó, bà C và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền vay đối với bà Nguyễn Thị T.

Giao dịch, hợp đồng giữa các đương sự được xác lập ngày 02/6/2015 là hợp đồng đang được thực hiện, đến nay chưa chấm dứt hợp đồng này và hợp đồng có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khi nghị án Hội đồng xét xử đã thảo luận, thống nhất ý kiến chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định pháp luật được nhận định như trên và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi hợp đồng vay tài sản. Bà Hà Thị C và ông Lữ Đình H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền vay đối với bà Nguyễn Thị T bao gồm: Tiền vay nợ gốc là 64.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 02/6/2015 đến ngày 31/12/2016 là 17 tháng 27 ngày với mức lãi suất cơ bản 13,5%/năm và tiền lãi được tính là 12.888.000 đồng và thời gian kéo dài nhiều năm bị đơn không trả đủ tiền lãi cho nguyên đơn, cần phải tính tiền lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/11/2019 là 34 tháng 02 ngày với mức lãi suất 20%/năm và tiền lãi được tính là 36.339.680 đồng

Như vậy tổng cộng tiền vay nợ gốc và tiền lãi suất là 113.227.680 đồng trừ 1.900.000 đồng bằng 111.327.680 đồng (làm tròn là 111.328.000 đồng) và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại bà C, ông H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK713433 ngày 16/7/2008 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp tại thửa đất số 244, tờ bản đồ số 4, ấp 10, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (chủ sử dụng là ông Lữ Đình H, sinh năm 1972).

* Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà C và ông H phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 5.566.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T:

Bà Hà Thị C và ông Lữ Đình H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền vay nợ gốc và tiền lãi tổng cộng là 111.328.000đ (một trăm mười một triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) đối với bà Nguyễn Thị T; bà T có trách nhiệm trả lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK713433 ngày 16/7/2008 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp tại thửa đất số 244, tờ bản đồ số 4, ấp 10, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (chủ sử dụng là ông Lữ Đình H, sinh năm 19...) đối với bà C và ông H.

* Về án phí:

- Bà Hà Thị C và ông Lữ Đình H phải liên đới chịu 5.566.000đ (năm triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.831.000đ (hai triệu, tám trăm ba mươi một nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005532 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

* Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 05/11/2019; đối với bà C, ông H và ông L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà C và ông H còn phải tiếp tục trả tiền lãi đối với tiền vay nợ gốc chưa thanh toán và kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án dân sự mà bên người phải thi hành án dân sự chưa tự nguyện thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất đối với tài sản còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú,
VKSND tỉnh Đồng Nai (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính